

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2020/HS-ST

Ngày 17- 7 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạ và bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2020/TLST - HS ngày 02 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Hữu T**; sinh ngày: 19/12/1992, tại Chí Linh, Hải Dương; nơi đăng ký HKTT: Khu dân cư M, phường L, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Tổ 81, khu 7A, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/12/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 23/02/2017 chấp hành xong bản án; bị bắt từ ngày 02/01/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Như Q**; sinh ngày: 17/12/1992 tại Cẩm Phả, Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 1, khu L, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Quản lý quán Karaoke NICE; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/9/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 6 năm tù về tội “Mua bán trẻ

em”, ngày 31/8/2015 được đặc xá; bị bắt từ ngày 02/01/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh **Lê C1**; sinh năm: 1979, nơi cư trú: tổ 107, khu 8B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Minh V**; sinh năm 1987, nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn T A**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ 1, khu 3, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

4. Anh **Nguyễn Việt H**; sinh năm: 2001, nơi cư trú: xóm 1, xã L, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

5. Anh **Nguyễn Thanh H4**; sinh năm: 198; nơi cư trú: tổ 1, khu 3, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

6. Anh **Hoàng Văn P**; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn H5, xã K, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

7. Anh **Nguyễn Văn P**; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Tổ 13, khu 1B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

8. Anh **Phạm Chí T2**; sinh năm: 2001; nơi cư trú: Tổ 29, khu 4A1, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

9. Anh **Nguyễn Đại H1**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Tổ 1, khu 1, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

10. Chị **Phạm Thị Thu H2**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Tổ 7, khu Bạch Đằng, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

11. Chị **Trương Thị Trinh U**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ 1, khu 4A, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

12. Chị **Trương Thị T3**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Tổ 107, khu 8B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

13. Chị **Nguyễn Thị H3**; sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 3, xã L1, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

14. Chị **Dương Thị T4**; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Tổ 29, khu 2B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

15. Chị **Đỗ Thị H3**; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn C2, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

16. Chị **Đỗ Thị T5**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

17. Chị **Nguyễn Thị T6**; sinh năm: 1971; nơi cư trú: Tổ 6, khu 5, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

18. Bà **Mai Thị Vân L**; sinh năm: 1969; nơi cư trú: Tổ 3, khu 6C, phường C3, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

19. Chị **Phạm Thị Q T7**; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Tổ 2, khu N 2, phường S, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

20. Anh **Tạ Vũ Q**; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Tổ 4, khu 1, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

21. Anh **Nguyễn Văn P1**; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Tổ 5, khu 6A, phường C3, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

22. Anh **Trần Hữu T1**; sinh năm: 1997; nơi cư trú: Khu dân cư M, phường L4, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 0 giờ 50 phút ngày 02/01/2020, Công an thành phố Cẩm Phả tiến hành kiểm tra hành chính quán Karaoke NICE, thuộc tổ 6, khu 5, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, phát hiện trong phòng hát cuối hành lang tầng 2 có nhiều người đang bật nhạc công suất lớn và có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Trong phòng có 18 người, gồm: Trần Hữu T1 (sinh năm: 1997; nơi cư trú: Khu dân cư M, phường L4, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương); Lê C1 (sinh năm 1979, trú tại: tổ 107, khu 8B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Nguyễn Minh V (sinh năm 1987, trú tại: thôn Đ, xã L, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) Trần Hữu T (sinh năm 1992, trú tại: Khu dân cư M, phường L4, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương); Nguyễn T A (sinh năm 1983, trú tại: Tổ 1, khu 3, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Nguyễn Việt H (sinh năm 2001, trú tại: xóm 1, xã L, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh); Nguyễn Thanh H4 (sinh năm 1982, trú tại: tổ 1, khu 3, phường H); Hoàng Văn P (sinh năm 1978, trú tại: Thôn H5, xã K, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang); Nguyễn Văn P (sinh năm 1981, trú tại: Tổ 13, khu 1B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Phạm Chí T2 (sinh năm 2001, trú tại: Tổ 29, khu 4A1, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Nguyễn Đại H1 (sinh năm 1987, trú tại: Tổ 1, khu 1, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Phạm Thị Thu H2 (sinh năm 1986, trú tại: Tổ 7, khu Bạch Đằng, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Trương Thị Trinh U (sinh năm 1983, trú tại: Tổ 1, khu 4A, phường H); Trương Thị T3 (sinh năm 1985, trú tại: Tổ 107, khu 8B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1994, trú tại: Thôn 3, xã L1, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh); Dương Thị T4 (sinh năm 1982, trú tại: Tổ 29, khu 2B,

phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Đỗ Thị H3 (sinh năm 1994, trú tại: Thôn C2, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái) và Đỗ Thị T5 (sinh năm 1987, trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa), đang nghe và nhảy với nhạc có công suất lớn.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu tại nền nhà ngay gần cửa nhà vệ sinh 02 mẫu viên nén màu hồng; thu ở dưới nền nhà ngay chân bàn 02 túi nilon kích thước (3x3) cm miệng túi viên màu xanh bên trong có dính chất tinh thể màu trắng, 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng; thu ở dưới nền trong nhà vệ sinh: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa cứng và 02 bình khí màu vàng; thu ở khe ghế trong phòng hát 01 túi nilon kích thước (4x6) cm bên trong có thực vật khô thái nhỏ; thu ở trên ghế 02 quả bóng bay; thu trong phòng hát 01 bộ điện tử đánh DJ và 02 thẻ USB. Cơ quan Công an đã tiến hành thu mẫu nước tiểu của các đối tượng trên. Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo Trần Hữu T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng, lắp sim số 0978.561.323 và số tiền 930.000 đồng; thu giữ của bị cáo Trần Như Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, lắp sim số 0389.937.900.

Quá trình điều tra xác định: Trần Như Q và các chị Mai Thị Vân L (sinh năm 1969, trú tại: tổ , khu 6C, phường C3, thành phố Cẩm Phả); Phạm Thị Q T7 (sinh năm 1995, trú tại: tổ 2, khu N 2, phường S, thành phố Cẩm Phả) cùng góp chung vốn để kinh doanh quán karaoke NICE và giao cho Q quản lý. Hàng tháng, ngoài việc được chi lãi kinh doanh thì Q còn được trả 10.000.000 đồng tiền quản lý quán. Tối ngày 01/01/2020, Trần Hữu T cùng với một số người tổ chức ăn liên hoan xong, cả nhóm rủ nhau đi hát Karaoke, thì T bảo mọi người đến quán Karaoke Nice và được bố trí phòng hát tại tầng 2. Khi vào phòng thấy có bàn đánh nhạc DJ thì T nảy sinh ý định mua ma túy về cho mọi người sử dụng nên T gọi điện thoại hỏi và mua của Tùng (T không biết lai lịch địa chỉ) 10 viên ma túy loại MDMA với giá 350.000 đồng/1 viên và 5.000.000 đồng ma túy loại Ketamine. Sau khi mua được ma túy, T bảo Trần Như Q đổi nhạc mạnh và lấy cho T 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa cứng, 01 ống hút. Q biết là nhóm của T lấy các đồ vật đó để sử dụng ma túy trong phòng hát, nên đã lấy đưa cho T. T bẻ đôi các viên MDMA ra để vào đĩa, xong T sử dụng 1/2 viên với nước lọc, rồi T bảo mọi người trong phòng đến lấy ma túy sử dụng. Sau đó, T gọi điện thoại bảo Phạm Chí T2 đến quán đánh nhạc DJ cho mọi người nghe. Khi Thanh vào phòng hát thì T cũng mời và chỉ cho Thanh chỗ để chiếc đĩa sứ đựng ma túy để Thanh lấy sử dụng. Khoảng 30 phút sau T thấy MDMA trong đĩa sứ đã hết nên T đổ 2 túi ma túy Ketamine ra đĩa sứ rồi dùng thẻ nhựa cứng đánh mịn ra, dùng ống hút nhựa hút 02 lần, rồi tiếp tục mời mọi người trong phòng sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 30, ngày 02/01/2020, Q thấy Công an đến kiểm tra nên thông báo cho mọi người biết và bảo mọi người có đồ gì thì vứt đi, nghe Q thông báo, T cầm đĩa sứ còn một ít ma túy Ketamine và thẻ nhựa vào phòng vệ sinh rửa sạch và để ở trong đó, rồi ra ngoài thì Công an tiến hành kiểm tra, thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số: 23/GĐMT ngày 07/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: 02 mẫu viên nén màu hồng gửi giám định là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng là 0,289g (không phẩy hai trăm

tám mươi chín gam); chất tinh thể trong 02 túi nilon kích thước (3x3) cm là chất ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng là: 0,014 gam (không phải không trăm mười bốn gam); thực vật khô thái nhỏ trong 01 túi nilon gửi giám định không phải là ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 24/GĐMT ngày 08/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Tìm thấy trong nước tiểu của Lê C1; Trần Hữu T; Nguyễn Minh V; Nguyễn T; Nguyễn Việt H; Hoàng Văn P; Phạm Chí T2; Trương Thị T3; Nguyễn Thị H3 có chất ma túy, sản phẩm chuyển hóa chất ma túy trong nước tiểu: MDMA, Dehydronorketamine. Trần Hữu T (sinh năm 1997) tìm thấy MDMA, Ketamine; Nguyễn Thanh H4, Nguyễn Văn P tìm thấy MDMA; Nguyễn Đại H1 tìm thấy MDMA, Ketamine; Đỗ Thị H3 tìm thấy Ketamine; Đỗ Thị T5 tìm thấy Dehydronorketamine (Dehydronorketamine là sản phẩm chuyển hóa của Ketamine trong nước tiểu).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hữu T và Trần Như Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, T còn khai: số tiền dùng để mua ma túy là do T vay của Nguyễn Văn P, khi vay tiền, T không nói cho Phong biết mục đích là vay để mua ma túy. Còn Trần Như Q khai bàn đánh nhạc DJ là Q mượn của bạn là anh Tạ Vũ Q (sinh năm 1982, trú tại: tổ 4, khu 1, phường H, thành phố Cẩm Phả) để kinh doanh karaoke.

Những người làm chứng nêu trên đều có lời khai về diễn biến, nội dung sự việc toàn bộ quá trình hát Karaoke và sử dụng ma túy trong phòng hát giống như nội dung vụ án đã nêu ở phần trên.

Tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKSCP ngày 01 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Trần Hữu T, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255; truy tố bị can Trần Như Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Hữu T từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 02/01/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Như Q từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 02/01/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 23/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01 thẻ nhựa có dòng chữ VinID màu trắng trên thẻ có dòng số 8888200876413905; 02 bình khí màu vàng đã qua sử dụng; 02 bóng bay màu trắng; 02 thẻ USB màu đen đã qua sử dụng. Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, model A1688, bên trong lắp sim số 0978.561.323. Trả lại cho bị cáo Trần Hữu T số tiền 930.000 đồng; trả lại cho bị cáo Trần Như Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu trắng, bên trong lắp sim số 0389.937900.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những làm chứng. Quá trình thu giữ, niêm phong, bảo quản, giao nhận vật chứng và giám định đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đảm bảo khách quan, trung thực và có cơ sở khoa học, phù hợp với các bản Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 02/01/2020, tại quán Karaoke NICE, thuộc tổ 6, khu 5, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Trần Hữu T đã có hành vi tổ chức cho: Lê C1, Nguyễn Minh V, Trần Hữu T, Nguyễn T A, Nguyễn Việt H, Nguyễn Thanh H4, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn P, Phạm Chí T2, Nguyễn Đại H1, Trương Thị Thủy, Nguyễn Thị H3, Đỗ Thị H3 và Đỗ Thị T5, sử dụng trái phép chất ma túy loại Ketamine và MDMA. Trần Như Q là chủ quán, kiêm quản lý quán karaoke NICE, biết Trần Hữu T tổ chức cho nhiều

người sử dụng ma túy tại quán nhưng vẫn cung cấp đĩa sứ, thẻ nhựa và ống hút bằng nhựa để T tổ chức cho nhiều người sử dụng ma túy.

Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo Trần Hữu T, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255; truy tố bị cáo Trần Như Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 255 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)...

b) Đối với 02 người trở lên;

[4] Điều 256 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm, hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)...

d) Đối với 02 người trở lên;

[5] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý, kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, tiếp tay cho hành vi mua bán trái phép chất ma túy, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Ma túy đang là hiểm họa của toàn xã hội, nó không những trực tiếp xâm hại đến sức khỏe về tinh thần, thể chất và tài sản của người sử dụng, gây lo lắng, buồn phiền cho những người thân trong gia đình, mà còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Sau khi thuê địa điểm hát Karaoke, bị cáo T đã mua ma túy rồi tổ chức cho nhiều người cùng sử dụng; bị cáo Q mặc dù biết T tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy tại quán hát do mình quản lý nhưng không can ngăn mà còn chuẩn bị dụng cụ gồm đĩa sứ, thẻ nhựa, ống hút để T thực hiện hành vi phạm tội. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần bị xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng và tài sản khác bị thu giữ: Toàn bộ mẫu vật hoàn lại sau giám định, được niêm phong trong 01 phong bì số 23/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01 thẻ nhựa có dòng chữ VinID màu trắng và dòng số 8888200876413905; 02 bình khí màu vàng đã qua sử dụng; 02 bóng bay màu trắng; 02 thẻ USB màu đen đã qua sử dụng là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng, model A1688, bên trong lắp sim số 0978.561.323 thu giữ của Trần Hữu T là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước. Số tiền 930.000 đồng thu giữ của T và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu trắng, lắp sim số 0389.937900 thu giữ của Q không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Đối với Lê C1, Nguyễn Minh V, Trần Hữu T, Nguyễn T A, Nguyễn Việt H, Nguyễn Thanh H4, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn P, Phạm Chí T2, Nguyễn Đại H1, Trương Thị Thủy, Nguyễn Thị H3, Đỗ Thị H3 và Đỗ Thị T5 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố Cẩm Phả đã ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Tùng, theo Trần Hữu T khai bán ma túy cho T, nhưng do không xác định được lai lịch, địa chỉ của Tùng nên chưa đủ cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc bị cáo Trần Hữu T khai vay của Nguyễn Văn P 10.000.000 đồng để mua ma túy, khi vay tiền T không nói cho Phong biết mục đích để mua ma túy.

Mặt khác, Phong không thừa nhận cho T vay tiền, do đó không đủ cơ sở để xử lý đối với Phong, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Mai Thị Vân L và chị Phạm Thị Q T7 góp vốn cùng Trần Như Q kinh doanh quán hát karaoke Nice, do không biết việc Q để cho khách sử dụng ma túy tại quán nên không có căn cứ để xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trần Hữu T** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu T **07 (bảy) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 02/01/2020).

2. Căn cứ vào: điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trần Như Q** phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Như Q **07 (bảy) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 02/01/2020).

3. Căn cứ: các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 23/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01 thẻ nhựa có dòng chữ VinID màu trắng và dòng số 8888200876413905; 02 bình khí màu vàng đã qua sử dụng; 02 bóng bay màu trắng; 02 thẻ USB màu đen đã qua sử dụng. Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, model A1688, bên trong lắp sim số 0978.561.323. Trả lại cho bị cáo Trần Hữu T số tiền 930.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Trần Như Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu trắng, bên trong lắp sim số 0389.937900.

Tình trạng của những vật chứng, tài sản nêu trên như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 25/6/2020 giữa Công an thành phố Cẩm Phả và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Căn cứ: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Hữu T và Trần Như Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ: khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/7/2020)./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Cẩm Phả;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS. TP Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quyền